

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2018/HC-PT**

Ngày: 30-10-2018

V/v khiếu kiện các quyết định hành chính về
thu hồi đất; phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ
trợ, tái định cư; cưỡng chế thu hồi đất và yêu
cầu bồi thường thiệt hại về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phụng

Các thẩm phán:

Ông Ngô Thanh Sỹ

Ông Nguyễn Công Sự

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hà Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 14/2017/TLPT-HC ngày 11/12/2017 về việc “Khiếu kiện các quyết định hành chính về thu hồi đất; phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; cưỡng chế thu hồi đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1963. Nơi cư trú: số 874B, tổ 8, ấp 2, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1952; HKTT: ấp 2 xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; hiện tạm trú tại tổ 13, ấp 1, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (theo giấy ủy quyền do Văn phòng công chứng Thạnh Phú chứng nhận ngày 26/10/2018).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn P - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phi: Ông Nguyễn Thanh L - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu (theo văn bản ủy quyền số 1884/UBND-NC ngày 08/5/2018).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963 (đã chết ngày 23/11/2017 và không có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng).

- Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1972. Nơi cư trú: 874B, tổ 8, ấp 2, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Trần Thị Như T1, địa chỉ: 632 đường T, tổ 167, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền do Văn phòng công chứng Thạnh Phú chứng nhận ngày 07/5/2018).

- Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1996. Nơi cư trú: 874B, tổ 8, ấp 2, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị Đài T2, sinh năm 1998. Nơi cư trú: 874B, tổ 8, ấp 2, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T2: Ông Nguyễn Văn V (theo văn bản ủy quyền do UBND xã Thạnh Phú chứng nhận ngày 28/9/2017).

- Ông Trương Chí T3, sinh năm 1970. Nơi cư trú: số 07, ấp 1, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn V.

(Các ông bà T, T1, V, T3 có mặt, ông L, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

* *Người khởi kiện ông Nguyễn Văn V đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kim L, anh Nguyễn Hữu H, chị Nguyễn Thị Đài T2 trình bày:*

Năm 1978, ông có khai hoang diện tích đất khoảng 18.000 m² nay là thửa số 40, tờ bản đồ số 13 xã Thạnh Phú, ông sử dụng liên tục cho đến nay, không ai tranh chấp. Năm 1983, ông nhận mua thêm đất của ông Lê Văn Trường và một số người khác ở ấp 2, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu diện tích là 21.124 m², việc mua bán đất này đã thực hiện xong và đến nay không có tranh chấp gì. Năm 1993, ông đăng ký kê khai và năm 2001, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 39.124 m². Trong quá

trình sử dụng đất, ông có khai hoang và cải tạo các phần đất thêm khoảng 4.000 m², nên tổng diện tích đất của ông là 43.124 m². Phần đất này ông trồng cây điều và trà. Ông sử dụng ổn định đến năm 2013 thì bị UBND huyện Vĩnh Cửu cưỡng chế cắt hết cây trồng trên đất theo Quyết định số 10224 ngày 23/01/2013 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu. Ông đã làm đơn khiếu nại đến UBND huyện Vĩnh Cửu nhưng không được chấp nhận, ông tiếp tục khiếu kiện đến nhiều cơ quan khác.

Tháng 3/2015, ông có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, sau khi được giải thích, hướng dẫn, ông đã tự liên hệ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Cửu và được cấp bản photo Quyết định số 5320/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thạnh Phú tại xã Thạnh Phú (đợt 4) của UBND huyện Vĩnh Cửu. Lúc này ông mới được biết đến 02 quyết định này, còn trước đó ông chưa được nhận và cũng chưa được biết đến 02 quyết định này. Theo các quyết định này thì diện tích đất của gia đình ông bị thu hồi là 37.467 m²; tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 4.505.897.000 đồng. Ông không đồng ý với 02 quyết định nêu trên, vì:

- Diện tích đất thực tế gồm đất khai phá và mua lại đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 39.124 m², cộng với diện tích 4.000 m² ông khai phá sau khi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng cộng là 43.124 m², nhiều hơn diện tích trong quyết định bồi thường nêu trên 5.657 m² đất.

- Giá bồi thường cây trồng lâu năm 25.000 đồng/cây là không đúng với giá trị thực tế theo chính sách của Nhà nước. Đồng thời tại thời điểm kiểm đếm có 300 cây nhưng khi bồi thường chỉ có 20 cây với giá 25.000 đồng/cây, trong khi giá thực tế và theo quy định của Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ và Thông tư 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường là 2.000.000 đồng/cây.

- Đất của ông cách đường Đồng Khởi 200m nên thuộc vị trí 2, không phải vị trí 3 như trong quyết định của UBND huyện Vĩnh Cửu. Đất nằm xen kẽ trong khu dân cư thuộc vị trí 2 thì phải được tính theo mức 50% giá đất ở liền kề và các khoản hỗ trợ đất nông nghiệp khác theo quy định của Luật đất đai năm 2003 và Nghị định 69 của Chính phủ. Theo Luật đất đai năm 2003 quy định việc xác định giá đất phải sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường; tại thời điểm UBND huyện Vĩnh Cửu thu hồi thì giá chuyển nhượng đất này khoảng 2.500.000 đồng/m² đến 3.000.000 đồng/m². Như vậy, UBND huyện Vĩnh Cửu áp giá bồi thường 45.000 đồng/m² là quá thấp.

Ngày 05/3/2015, ông đến Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Cửu và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Cửu thì được cán bộ giải thích các quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nêu trên đã được giao về UBND xã Thạnh Phú để tổ chức giao cho ông. Ngày

16/3/2015, ông đến UBND xã Thạnh Phú yêu cầu giao cho ông bản chính hai quyết định nêu trên thì cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú giao cho ông Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 của UBND huyện Vĩnh Cửu. Ông yêu cầu lập biên bản giao nhận để đảm bảo thời hiệu khởi kiện khi khởi kiện tại Tòa án nhưng cán bộ UBND xã Thạnh Phú không đồng ý nên ông đã giao trả lại cho UBND xã Thạnh Phú Quyết định số 76 nêu trên.

Trước khi cưỡng chế thu hồi đất của ông, các ngày 29/5/2012, 21/12/2012, 10/01/2013, ông được gọi lên UBND xã Thạnh Phú để bàn giao đất, ông yêu cầu xem xét lại diện tích đất thu hồi và bồi thường bị thiếu, giá bồi thường đất thu hồi và cây trồng trên đất quá thấp, nhưng không được xem xét. Khi ông vắng nhà thì cơ quan chức năng tổ chức cưỡng chế thu hồi toàn bộ đất và tài sản trên đất của ông. Đến nay, ông vẫn chưa nhận được tiền bồi thường.

Ngày 11/6/2015, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 đối với diện tích đất bị thu hồi 37.467 m² tại thửa 40, tờ bản đồ số 13 xã Thạnh Phú.

- Hủy Quyết định số 5320/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND huyện Vĩnh Cửu về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông.

- Hủy Quyết định số 10224/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông.

- Buộc UBND huyện Vĩnh Cửu phải bồi thường thiệt hại về tài sản là cây trồng trên đất cho ông là 400.000.000 đồng.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, ngày 07/3/2017, ông được biết diện tích đất 1.308 m² thuộc thửa đất số 54 tờ bản đồ 16, xã Thạnh Phú (nay thuộc một phần thửa số 5 tờ bản đồ 40 xã Thạnh Phú) mà ông đã được UBND huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/5/2001 đã bị UBND huyện Vĩnh Cửu ra quyết định thu hồi và bồi thường diện tích đất này cho ông Trương Chí Thành, sinh năm 1970, trú tại: ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai nên ông có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 06/5/2009 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Phú tại xã Thạnh Phú (đợt 8) đối với ông Trương Chí Thành.

- Hủy Quyết định số 1134/QĐ-UBND ngày 04/4/2011 của UBND huyện Vĩnh Cửu điều chỉnh quyết định thu hồi đất số 670/QĐ-UBND ngày 06/5/2009 của UBND huyện Vĩnh Cửu.

- Hủy quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Trương Chí Thành do thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Phú tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu.

** Người bị kiện- UBND huyện Vĩnh Cửu trình bày:*

- Quá trình ban hành Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/01/2009: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thạnh Phú là dự án Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật đất đai năm 2003. Căn cứ Điều 53 của Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, ngày 28/11/2007 UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 4190/QĐ-UBND và 4191/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thạnh Phú tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu và phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa.

Ngày 09/01/2009, UBND huyện Vĩnh Cửu ban hành Quyết định số 76/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thạnh Phú tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu (đợt 4). Theo đó thu hồi 320.959 m² đất tại xã Thạnh Phú, trong đó có hộ ông V bị thu hồi diện tích 37.467 m² tại thửa 40, tờ bản đồ số 13 xã Thạnh Phú. UBND xã Thạnh Phú đã thực hiện niêm yết công khai Quyết định số 76 QĐ-UBND ngày 09/01/2009 theo biên bản ngày 17/01/2009 của UBND xã Thạnh Phú.

Như vậy, việc UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định thu hồi đất tổng thể và UBND huyện Vĩnh Cửu ban hành quyết định thu hồi đất chi tiết của các hộ dân để thực hiện dự án là đúng quy định của pháp luật.

Do hộ ông V không hợp tác thực hiện công tác kiểm kê bồi thường thực hiện dự án nên ngày 18/6/2009, UBND huyện Vĩnh Cửu ban hành Quyết định số 964/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp kiểm kê bắt buộc đối với tài sản giải tỏa hộ ông V. Ngày 23/6/2009, Hội đồng bồi thường huyện Vĩnh Cửu và UBND xã Thạnh Phú đã tổ chức công bố Quyết định số 964/QĐ-UBND nêu trên cho hộ ông V biết, chấp hành.

- Về yêu cầu bồi thường toàn bộ cây trồng trên đất đã bị cưỡng chế thu hồi diện tích đất 43.124 m² của ông V: UBND huyện Vĩnh Cửu không đồng ý, vì theo hồ sơ bồi thường thể hiện ông V đã được tính toán bồi thường cây trồng trên đất với số tiền là 213.495.000 đồng.

- Về việc ban hành Quyết định hành chính số 5320/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 và Quyết định số 10224/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của UBND huyện Vĩnh Cửu:

Căn cứ Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 của UBND huyện Vĩnh Cửu, ngày 31/12/2010, UBND huyện Vĩnh Cửu ban hành Quyết định số 5320/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông V (kiểm kê bắt buộc) do thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Phú. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Cửu ban hành Thông báo số 466/TB-TTPTQĐ và Thông báo số 498/TB-TTPTQĐ ngày 22/8/2011 về việc

nhận tiền bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thanh Phú.

Như vậy, UBND huyện Vĩnh Cửu ban hành Quyết định số 5320/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 là thực hiện đúng trình tự, thủ tục về bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ ông V. Ngày 19/12/2012, UBND huyện Vĩnh Cửu ban hành Quyết định số 10224/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất hộ ông V để thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thanh Phú. Ngày 21/12/2012, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Cửu đã phối hợp với UBND xã Thanh Phú, Ủy ban mặt trận tổ quốc xã Thanh Phú tổ chức công bố và giao quyết định cưỡng chế nêu trên cho hộ ông V biết để thực hiện. Do đó, việc ông Nguyễn Văn V trình bày đến ngày 05/3/2017 ông mới biết các Quyết định nêu trên là không có cơ sở.

- Về việc ông V khiếu kiện Quyết định của UBND huyện Vĩnh Cửu vì cho rằng UBND huyện Vĩnh Cửu bồi thường thiếu diện tích đất so với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 848168 ngày 02/5/2001 ông V có tổng diện tích là 43.275 m², gồm các thửa đất số: 506, 507, 502, 503, 761, 762, 763, 766, 767, 768 cùng tờ bản đồ số 11 và các thửa đất số: 54, 55, 56, 57, 81, 82 cùng tờ bản đồ số 16 xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu. Ông V đã chuyển nhượng diện tích 423 m² thuộc một phần thửa đất số 507 tờ bản đồ số 11; diện tích đất còn lại là 42.852 m². Trong đó, các thửa đất nằm trong dự án Khu công nghiệp Thanh Phú là 54, 55, 56, 57, 81, 82 với tổng diện tích là 39.123 m², các thửa đất còn lại nằm ngoài dự án Khu công nghiệp Thanh Phú.

Theo kết quả chồng ghép bản đồ địa chính của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Vĩnh Cửu thể hiện: thửa đất số 13 tờ bản đồ số 40 (mới) xã Thanh Phú, diện tích 37.467 m² gồm các thửa đất cùng thuộc tờ bản đồ 16 (cũ) số: thửa số 55 diện tích 4.208 m², thửa số 56 diện tích 2.274 m², thửa số 57 diện tích 4.776 m², một phần thửa số 81 diện tích 13.883 m², thửa số 82 diện tích 9.633 m² và đường đất diện tích khoảng 2.808 m². Như vậy, thửa đất số 54 tờ bản đồ 16 (cũ), diện tích 1.308 m² và một phần thửa đất số 81 tờ bản đồ 16 (cũ) này là các thửa đất số 21, diện tích 1.418 m², thửa số 14 diện tích 946 m², thửa số 80 diện tích 2.086 m², cùng tờ bản đồ 40 (mới) xã Thanh Phú không nằm trong thửa đất số 13 tờ bản đồ 40 (mới) xã Thanh Phú.

Mặt khác, theo kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất thực tế của ông V ngày 03/5/2013, thể hiện: theo sự chỉ ranh sử dụng đất của ông V đối với thửa đất số 13 tờ bản đồ 40 (mới) xã Thanh Phú thì hiện trạng sử dụng đất của ông V phù hợp với ranh bản đồ thu hồi đất thực hiện dự án. Như vậy, diện tích đất thực tế ông V sử dụng bị giảm so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do thửa đất số 54 tờ bản đồ 16 (cũ), diện tích 1.308 m² ông V không sử dụng mà do ông Trương Chí T3 đang sử dụng. Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày

25/5/2007 của Chính phủ quy định: “Trường hợp thu hồi đất mà diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì được bồi thường theo quy định sau: Nếu diện tích đo đạc thực tế nhỏ hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế”.

Do đó, UBND huyện Vĩnh Cửu thực hiện bồi thường cho ông V theo diện tích đất thực tế ông V đang sử dụng là 37.467 m² thuộc thửa đất số 13 tờ bản đồ số 40 (mới) xã Thạnh Phú.

- Quá trình ban hành Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 06/5/2009 và Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 17/02/2012:

Ngày 28/11/2007, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 4190/QĐ-UBND và Quyết định số 4190/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Phú tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu và phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa.

Ngày 06/5/2009, UBND huyện Vĩnh Cửu ban hành Quyết định hành chính số 670/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Phú (đợt 8).

Ngày 27/01/2010, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định số 654/QĐ-UBND về việc gia hạn thực hiện công tác bồi thường dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Phú.

Ngày 26/7/2010, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 1944/QĐ-UBND về việc thay thế tờ bản đồ kèm theo Quyết định số 4191/QĐ-UBND ngày 28/11/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Ngày 04/4/2011, UBND huyện Vĩnh Cửu ban hành Quyết định số 1134/QĐ-UBND về việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Phú.

Ngày 17/10/2011, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 2644/QĐ-UBND về việc điều chỉnh diện tích đất thu hồi tại Điều 1 Quyết định số 4191/QĐ-UBND ngày 28/11/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Ngày 02/2/2012, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 332/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Phú.

Ngày 17/02/2012, UBND huyện Vĩnh Cửu ban hành Quyết định số 369/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Trương Chí Thành ngụ tại ấp 1, xã Thạnh Phú do thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Phú (đợt 12).

Việc UBND huyện Vĩnh Cửu ban hành Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/01/2009, Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 06/5/2009, Quyết định số 5320/QĐ-

UBND ngày 31/12/2010, Quyết định số 10224/QĐ-UBND ngày 19/12/2012, Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 và Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 06/5/2009 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đất đai năm 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật đất đai, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trương Chí T3 trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 40 xã Thạnh Phú là của cha ông là ông Trương S khai hoang từ năm 1976 quản lý sử dụng để làm nhà ở và trồng đậu phộng, khoai mì. Năm 2005, cha ông mất nên ông được thừa kế thửa đất này. Sau khi được thừa kế, ông quản lý sử dụng đất này bằng việc cất nhà nhỏ để ở và trồng cây tràm trên đất cho đến ngày Nhà nước thu hồi đất. Khi ông được thừa kế thì đều có làm thủ tục thừa kế theo đúng quy định của pháp luật.

Khi còn sống cha ông có đăng ký kê khai không thì ông không biết. Có thể nghe đất này bị quy hoạch nên cha ông không đi đăng ký kê khai. Khi ông được thừa kế thửa đất này, ông có làm thủ tục đăng ký và có biên nhận hồ sơ. Sau này khi Nhà nước thu hồi đất thì ông đã nộp biên nhận cho Hội đồng bồi thường để nhận tiền bồi thường nên hiện không còn.

Còn việc hộ ông Nguyễn Văn V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 53, tờ bản đồ số 16 cũ nay thuộc 1 phần thửa số 5, tờ bản đồ số 40 mới xã Thạnh Phú thì ông không biết. Ông V cho rằng thửa 53, tờ bản đồ số 16 cũ nay thuộc 1 phần thửa số 5, tờ bản đồ số 40 mới xã Thạnh Phú là của ông V là không đúng. Như ông đã trình bày nguồn gốc đất do ba ông khai hoang, quản lý, sử dụng cho đến ngày bị thu hồi. Thủ tục giao nhận đất bị thu hồi và giao nhận tiền bồi thường thì ông thực hiện và ông đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ xong. Ông đã chấp hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường của UBND huyện Vĩnh Cửu đã giao đất và nhận tiền bồi thường theo quy định xong, không thắc mắc, khiếu nại gì. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông V, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn V về yêu cầu hủy:

+ Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 của UBND huyện Vĩnh Cửu về thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Phú tại xã Thạnh Phú (đợt 4), trong đó thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn V (số thứ tự 78) diện tích 37.467m² thuộc thửa số 13 tờ bản đồ số 40 xã Thạnh Phú.

+ Quyết định số 5320/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND huyện Vĩnh Cửu về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn Văn V (kiếm kê bắt buộc) ngụ tại ấp 1, xã Thạnh Phú do thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Phú tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu.

+ Quyết định số 10224/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn V.

+ Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 06/5/2009 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Phú tại xã Thạnh Phú (Đợt 8), trong đó thu hồi của hộ ông Trương Chí Thành (số thứ tự 13) diện tích 6.403 m² thuộc thửa số 05 tờ bản đồ số 40 xã Thạnh Phú.

+ Quyết định số 1134/QĐ-UBND ngày 04/4/2011 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Phú tại xã Thạnh Phú.

+ Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 của UBND huyện Vĩnh Cửu về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Trương Chí Thành ngụ ấp 1, xã Thạnh Phú do thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Phú tại xã Thạnh Phú (đợt 12).

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V về buộc UBND huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phải bồi thường thiệt hại về tài sản là cây trồng trên đất bị thu hồi là 400.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/10/2017, ông Nguyễn Văn V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Ngày 22/1/2018, ông V có đơn kháng cáo bổ sung với yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do bản án có nhiều vi phạm tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10/7/2018, ông V cung cấp thêm chứng cứ mới là giấy chứng tử của ông Nguyễn Văn N, là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Xét thấy việc xác minh làm rõ về những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Ngàn là cần thiết nên HĐXX quyết định tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ. Quá trình xác minh thu thập đã xác định: Tại văn bản số 339/UBND ngày 22/8/2018, UBND xã Thạnh Phú trả lời ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1962 đã chết ngày 23/11/2017, lúc còn sống ông Ngàn không có vợ, con (việc ông Ngàn có con nuôi, con ngoài giá thú hay không địa phương không rõ), cha mẹ ruột của ông N đã chết trước ông N từ lâu.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện người khởi kiện ông Nguyễn Đức T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Ông T đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do có nhiều vi phạm về thủ tục tố tụng. Các ông bà T1, V đồng ý với kháng cáo của người khởi kiện. Ông T3 không có ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Ông V làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét. Quyết định số 76, Quyết định 5320 được cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú giao cho ông V ngày 16/3/2015. Ông V là cá nhân bị tác động trực tiếp bởi quyết định hành chính và là đối tượng được nhận QĐHC thì thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện là kể từ ngày ông V nhận được QĐHC. Do đó, ông V khởi kiện đối với các quyết định số 76, 5320 là còn thời hiệu.

Ông Nguyễn Văn V được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R848168 ngày 02/5/2001, trong đó các thửa nằm trong dự án KCN Thạnh Phú gồm 54, 55, 56, 57, 81, 82 tổng diện tích 39.123m², các thửa còn lại nằm ngoài dự án. Ngày 09/01/2009 UBND huyện Vĩnh Cửu ra quyết định thu hồi diện tích đất 37.467m² thuộc thửa số 13 tờ bản đồ số 40 xã Thạnh Phú của ông V và sau đó ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường số 5320 đối với diện tích đất là 37.467m². Như vậy, diện tích ông V bị thu hồi và bồi thường bị giảm so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.656 m² (39.123 – 37.467). Theo UBND huyện trình bày thì do thửa đất số 54, diện tích 1.308m² hộ ông V không sử dụng mà do ông Trương Chí T3 đang sử dụng (nay là một phần thửa đất số 5 tờ bản đồ số 40 xã Thạnh Phú diện tích 6.403m²) nhưng trước đây UBND huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn V.

Đối với 01 phần thửa số 81 tờ BĐDC số 16 (cũ) hộ ông V không sử dụng mà do ông Bùi Duy Vè và ông Trương Phú Thao đang sử dụng (BL 252) (nay là thửa đất số 21 diện tích 1.418m², thửa số 14 diện tích 946m², thửa đất số 80 diện tích 2.086m² tờ bản đồ số 40 xã Thạnh Phú) nhưng trước đây UBND huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn V. Thửa số 81 cấp giấy cho ông V diện tích 16.924m², bị thu hồi bồi thường cho ông V là 13.883m², còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 3.041m², lý do thiếu chưa được xác minh làm rõ. Ông Bùi Duy Vè cho rằng ông chỉ nhận tiền bồi thường thửa 80 tờ bản đồ số 16 xã Thạnh Phú diện tích 2.970 m² chứ ông Vè không nhận tiền bồi thường của thửa 81 tờ bản đồ số 16 xã Thạnh Phú (BL 451-452), còn ông Trương Phú Thao có được nhận tiền bồi thường của thửa 81 không thì chưa rõ, cũng như ông V hiện đang sử dụng bao nhiêu m² còn lại trong thửa 81 sau thu hồi thì TA chưa xác minh làm rõ.

Quá trình giải quyết vụ án, TA cấp sơ thẩm không đưa ông Bùi Duy Vè, ông Trương Phú Thao vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan trọng vụ án là thiếu sót, để xác định thửa 81 tờ bản đồ số 16 xã Thạnh Phú thì diện tích đất các ông sử dụng là bao nhiêu, sử dụng từ khi nào, được bồi thường như thế nào, có thuộc trường hợp được bồi thường về đất hay không...

Về con đường đất đi giữa hai thửa 53 và 54 và con đường đất đi giữa các thửa đất 56, 57, 58, 81, 82 thể hiện trên bản đồ địa chính cũ, ông V và ông Thành giải trình đây thực chất là con mương thoát nước, ông V và ông T3 san lấp và trồng cây trên phần đất này (BL 591). UBND huyện thu hồi và bồi thường diện tích đường đất 2.808m², ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V, cấp sơ thẩm chưa thu thập ý kiến giải trình của UBND huyện về diện tích đất này.

Do TA cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, bỏ sót tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, đề nghị HĐXX tuyên xử: Hủy bản án sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 29/9/2017 của TAND huyện Vĩnh Cửu. Giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo ngày 02/10/2017 của người khởi kiện ông Nguyễn Văn V làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại các Điều 205, 206 Luật tố tụng hành chính. Ông V đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định nên kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Đối với đơn kháng cáo bổ sung ngày 22/01/2018 của ông V và ý kiến về thay đổi kháng cáo của ông Nguyễn Đức T-đại diện của ông V tại phiên tòa là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Tòa án chỉ xem xét đối với đơn kháng cáo ngày 02/10/2017 của ông V.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các ông L, H có đơn xin vắng mặt xét xử nên xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại các Điều 157, 158 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về quan hệ pháp luật: Qua các đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2015, ngày 09/3/2015, ngày 30/3/2015, ngày 18/4/2015, ngày 11/6/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/3/2017, ông Nguyễn Văn V yêu cầu hủy một phần Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 của UBND huyện Vĩnh Cửu về thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn V, Quyết định số 5320/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND huyện Vĩnh Cửu về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn Văn V, Quyết định số 10224/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn V, Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 06/5/2009 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thu hồi đất của hộ ông Trương Chí Thành, Quyết định số 1134/QĐ-UBND ngày 04/4/2011 của

UBND huyện Vĩnh Cửu về việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất, Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 của UBND huyện Vĩnh Cửu về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Trương Chí T3 và yêu cầu buộc UBND huyện Vĩnh Cửu bồi thường thiệt hại về tài sản là cây trồng trên đất bị thu hồi là 400.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Khiếu kiện các quyết định hành chính về thu hồi đất; phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; cưỡng chế thu hồi đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” là đúng theo quy định pháp luật.

[4] Theo lời khai của ông V thì ngày 05/3/2015, ông mới được giao quyết định thu hồi đất số 76 nhưng cũng trong lời khai của mình, ông V cho rằng từ năm 2013 ông đã làm đơn khiếu nại đến UBND huyện Vĩnh Cửu nhưng không được chấp nhận, ông tiếp tục khiếu kiện đến nhiều cơ quan khác; theo các chứng cứ tài liệu ông V cung cấp tại phiên tòa thì ông đã có làm nhiều đơn khởi kiện hình sự, đơn tố giác về việc công nhân chiếm đoạt tài sản...từ 21/8/2013 đến 30/12/2014 liên quan đến việc UBND huyện Vĩnh Cửu cưỡng chế thu hồi đất của ông V; mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm ông V cũng khai nhận ông đã được cơ quan nhà nước vận động nhận tiền đền bù đất vào ngày 29/5/2012 tuy nhiên cấp sơ thẩm đã không thu thập chứng cứ và xác minh các tình tiết nói trên để làm rõ về việc biết hoặc nhận được các quyết định số 76 và quyết định số 5320 để xác định về thời hiệu khởi kiện của ông V đối với các quyết định số 76 ngày 09/01/2009 và số 5320 ngày 31/12/2010 là thiếu sót.

[5] Qua trình bày của ông Nguyễn Văn V thì ông cho rằng diện tích đất của ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 39.124 m², cộng với diện tích 4.000 m² ông tự khai phá sau khi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng cộng là 43.124 m², nhiều hơn diện tích trong quyết định bồi thường 5.657 m² đất. Tại Báo cáo số 91/BC-TT ngày 10/5/2013 của Thanh tra huyện Vĩnh Cửu (bút lục số 91) đã nhận định: “Diện tích đất của ông Nguyễn Văn V bị giảm so với diện tích đất được cấp GCNQSDĐ do thửa đất số 54, diện tích 1.308 m² ông Nguyễn Văn V không sử dụng mà do ông Trương Chí T3 đang sử dụng (nay là thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 40, diện tích 6.403 m²) và diện tích 2.958 m² thuộc thửa đất số 81 (cũ) ông Nguyễn Văn V không sử dụng mà do ông Bùi Duy Vê đang sử dụng ổn định (nay là thửa đất số 21, diện tích 1.418 m²; thửa đất số 17, diện tích 594 m²; thửa đất số 14, diện tích 946 m², cùng tờ BĐĐC số 40) nhưng trước đây UBND huyện lại cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn V”. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã chưa xác minh làm rõ vấn đề này để xem xét cụ thể hơn về diện tích đất bị thu hồi của ông Nguyễn Văn V.

[6] Theo công văn số 3497/UBND-NC ngày 31/8/2016 (bút lục 252) thì UBND huyện Vĩnh Cửu đã căn cứ vào kết quả chồng ghép bản đồ địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Vĩnh Cửu để xác định diện tích đất thu hồi của ông V trong quyết định thu hồi đất số 76 là 37.467 m² và UBND huyện Vĩnh Cửu đã nêu chi tiết diện tích đất thu hồi của ông V, tuy nhiên khi cộng các diện tích đất theo liệt kê của người bị kiện thì diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận của ông V bị thu hồi là 34.774 m², thêm diện tích đường đi thu hồi khoảng 2.808 m² thì tổng

diện tích thu hồi là 37.582 m². Như vậy tổng diện tích đất thu hồi theo liệt kê chi tiết của UBND huyện Vĩnh Cửu cao hơn số diện tích thu hồi trong quyết định thu hồi số 76. Việc này Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã không xem xét làm rõ.

[7] Ngoài ra, khi đối chiếu giữa diện tích đất theo liệt kê chi tiết của người bị kiện và diện tích đất theo giấy chứng nhận số R848168 ngày 02/5/2001 được cấp cho ông V thì thấy rằng:

- Thửa đất số 54 (diện tích 1.308 m²): UBND huyện Vĩnh Cửu cho rằng đây là phần diện tích thực tế ông V sử dụng bị giảm so với diện tích trong giấy chứng nhận ông V được cấp và diện tích đất này do ông Trương Chí T3 sử dụng, do vậy diện tích đất này không có diện tích đất thu hồi của ông V.

- Các thửa đất số 55 (diện tích 4.208 m²), số 56 (diện tích 2.274 m²), số 57 (diện tích 4.776 m²), thửa số 82 (diện tích 9.633 m²) đã được ghi nhận đủ diện tích khi UBND huyện Vĩnh Cửu thu hồi đất. Ngoài ra UBND huyện Vĩnh Cửu còn ghi nhận thêm cho ông V phần diện tích đường đất bị thu hồi là 2.808 m².

- Thửa đất số 81 (16.924 m²): UBND huyện Vĩnh Cửu chỉ ghi nhận thu hồi của ông V 13.883 m². Tuy có sự chênh lệch 3.041 m² đất giữa diện tích được cấp giấy chứng nhận và diện tích thực tế thu hồi nhưng UBND huyện Vĩnh Cửu không giải trình về nguyên nhân, lý do của việc giảm diện tích đất thu hồi của ông V.

Tại bút lục số 252, UBND huyện Vĩnh Cửu khai “...01 phần thửa đất số 81, tờ BĐĐC số 16 (cũ) nay là thửa đất số 21, diện tích 1.418 m²; thửa đất số 14, diện tích 946 m²; thửa đất số 80, diện tích 2.086 m², cùng tờ BĐĐC số 40 (mới) xã Thạnh Phú không nằm trong thửa đất số 13 tờ BĐĐC số 40 (mới) xã Thạnh Phú”. Như vậy, tổng diện tích này là 4.450 m², chênh lệch với diện tích mà ông V không được ghi nhận thu hồi (3.041 m²). Các vấn đề này cấp sơ thẩm đã không xác minh làm rõ, thu thập chứng cứ đối với phần diện tích giảm của ông V cũng như không làm rõ sự chênh lệch giữa phần diện tích là thiếu sót.

[8] Từ những phân tích trên, xét thấy do cấp sơ thẩm đã không thu thập chứng cứ và chứng minh đầy đủ dẫn đến việc chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án một cách toàn diện, khách quan và chính xác mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung ngay được nên hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí sơ thẩm.

[10] Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; áp dụng khoản 3 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn V.

2. Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 000603 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Phượng